

Bản án số: 360/2024/HS-ST
Ngày 11-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.
- Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Vũ Thị Tố Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An và điểm cầu thành phần: Phòng hỏi cung - Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 371/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2024/QĐXX-HS ngày 26/11/2024 đối với các bị cáo:

1. **Đặng Tiến A**, sinh năm 1999 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Khuong Thị X (đã chết); bị cáo có 02 anh ruột sinh năm 1984 và sinh năm 1987; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không;

Tiền sự:

+ Ngày 14/10/2015, Công an thị xã D (nay là thành phố D) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 210/QĐ-XPVPHC, về hành vi “Trộm cắp tài sản”, với số tiền 1.000.000 đồng (chưa đóng phạt).

+ Ngày 20/4/2018, Công an thị xã D (nay là thành phố D) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 367/QĐ-XPVPHC, về hành vi “Trộm cắp tài sản”, với số tiền 1.500.000 đồng (chưa đóng phạt).

Nhân thân:

+ Ngày 18/9/2018, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 254/2018/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2019 (Đã đóng án phí).

+ Ngày 13/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2020/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/12/2020 (Đã đóng án phí).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 cho đến nay.

2. Ngô Văn B, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Không. Nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 21/01/2011, Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2011/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/11/2011 (chưa đóng án phí và các khoản khác).

Nhân thân:

+ Ngày 13/3/2012, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù, về tội “Hiếp dâm”, Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2015 (Đã đóng án phí).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2024 cho đến nay.

3. Nguyễn Văn P, sinh năm 2001 tại tỉnh Sóc Trăng. Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976; bị cáo có 02 chị, em, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2012; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 cho đến nay.

4. Vũ Phương N, sinh năm 1982 tại tỉnh Hà Tĩnh. Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Số I đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T3, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1945; bị cáo có 03 anh, em, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1983; có vợ là Đinh Thị N1, sinh năm 1981 (đã ly hôn), và 02 con sinh năm 2001 và sinh năm 2009; tiền án: Không;

Tiền sự:

+ Ngày 24/11/2023, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội số 2102/QĐ-XPVPHC, về hành vi “Tàng trữ, cất giấu các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác” và hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo chưa đóng phạt.

+ Ngày 26/01/2024, Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội số 51/QĐ-XPVPHC, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã đóng phạt.

Nhân thân:

+ Ngày 18/9/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 11 tháng tù, về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan”, Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2009/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2009 (Đã đóng án phí và các khoản khác theo quy định).

+ Ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2021 (Đã đóng án phí).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2024 cho đến nay.

- *Bị hại:* Ông Lê Văn N2, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang và Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 2003; địa chỉ: Số I đường B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Thành K, sinh năm 1994; thường trú: Khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: nhà trọ không số hẻm tổ G, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Công T5, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 08/7/2024, Tiến A và B rủ nhau đi trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền. Tiến A và B đi bộ trên các tuyến đường thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương tìm tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 09/7/2024, khi Tiến A và B đi đến phía trước dãy nhà trọ không số thuộc tổ B, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy cổng nhà trọ không khóa nên cả hai đi vào bên trong, phát hiện tại hành lang dãy trọ có 01 xe mô tô kiểu dáng Future, nhãn hiệu SEASPORTS, màu xanh, biển số 66K3-1898 của anh Lê Văn N2, trên xe vẫn còn cắm chìa khóa trong ổ khóa. Lúc này, Tiến A và B dắt chiếc xe ra ngoài đường và mở khóa nổ máy xe chạy về khu G cất giấu. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 09/7/2024, Nguyễn Văn P đi bộ đến khu G gặp Tiến A và B, cả ba rủ nhau đi trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Tiến A điều khiển xe mô tô biển số 66K3-1898 chở B và Phú đi trên các tuyến đường thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, khi cả ba đến phía trước quán C, địa chỉ A đường L, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy trong quán có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA, màu nâu, biển số 60AA-455.90 của anh Nguyễn Thế V để ngoài sân, không có người trông coi nên Tiến A kêu P đứng ngoài canh chừng còn Tiến A và B lén lút vào quán cà phê lấy trộm chiếc xe. Sau đó, P đi bộ về còn Tiến A thì ngồi trên chiếc xe mô tô biển số 66K3-1898 đây Bạc đang ngồi trên chiếc xe mô tô biển số 60AA-455.90 đi đến nhà trọ của anh Lê Thành K cất giấu khi anh K không có

mặt ở trọ. Tiến A và B quay lại đón P đến nhà trọ bằng chiếc xe mô tô biển số 66K3-1898 để cùng cạy, phá khóa xe nhưng không được nên Tiến A đã nhắn tin và gửi cho Vũ Phương N 03 tấm hình chụp chiếc xe mô tô biển số 60AA-455.90 để bán và nói cho N là mới lấy trộm được. Ban đầu, N không đồng ý mua nhưng sau đó N gửi hình chiếc xe mô tô biển số 60AA-455.90 cho đối tượng N3 và nói là xe này lấy trộm, không giấy tờ, N3 báo giá 4.000.000 đồng thì N đồng ý và hẹn N3 đi xem xe. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Tiến A đến phòng trọ của N để dẫn N3 đến nơi cất giấu xem xe, N3 yêu cầu đem xe đi cất giấu thì Tiến A về lại khu G để chờ P đến trọ anh K đẩy chiếc xe về khu G cất giấu. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, Tiến A và P đẩy xe đến nhà trọ của N rồi giao xe cho N3, N3 đưa Tiến A 200.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Tiến A nhận được 2.000.000 đồng từ N rồi chia cho P 400.000 đồng. Anh Nguyễn Thế V và Lê Văn N2 sau khi phát hiện bị mất tài sản nên đã đến Công an phường T trình báo sự việc. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/7/2024, B đang đi trên đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng tuần tra Công an phường T yêu cầu kiểm tra nên đã đầu thú khai nhận toàn bộ. Ngày 10/7/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đặng Tiến A, Nguyễn Văn P, Vũ Phương N.

Theo Kết luận định giá tài sản số 133/KLĐG-HĐĐGTS ngày 18/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố D thì tài sản bị trộm bao gồm:

- + 01 xe mô tô Future, nhãn hiệu SEASPORTS, màu xanh, biển số 66K3-1898 có giá trị là 2.600.000 đồng.

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA, màu nâu, biển số 60AA-455.90 có giá trị là 89.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- + 01 xe mô tô kiểu dáng Future, nhãn hiệu SEASPORTS, màu xanh, biển số 66K3-1898;

- + Số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) của Vũ Phương N;

- + 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83 của Đặng Tiến A;

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, sim điện thoại số 0914.197.789;

- + 01 USB ghi nhận vụ án do anh Nguyễn Thế V giao nộp.

Tại cáo trạng số 356/CT-VKS-DA ngày 31 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B, Nguyễn Văn P về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Vũ Phương N về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Tiến A mức án 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn B mức án 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án 02 năm 06

tháng đến 03 năm tù áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Phương N mức án 12 tháng đến 15 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Future, nhãn hiệu SEASPORTS, màu xanh, biển số 66K3-1898 thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định xe do anh Lê Văn N2 là chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại cho anh N2.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max liên quan đến việc phạm tội và số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính thu giữ trong vụ án nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với sim số 0914197789 thu giữ của bị cáo Vũ Phương N, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 USB ghi nhận vụ án thu giữ trong vụ án cần nộp lưu theo hồ sơ.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thế V yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng) là trị giá tài sản bị chiếm đoạt chưa thu hồi được.

Tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã biết lỗi nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại Lê Văn N2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Vào khoảng 01 giờ ngày 09/7/2024, tại dãy trọ không số thuộc tổ B, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương bị cáo Đặng Tiến A và bị cáo Ngô Văn B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô kiểu dáng Future, nhãn hiệu SEASPORTS, màu xanh, biển số 66K3 - 1989 có giá trị 2.600.000 đồng của anh Lê Văn N2 và vào khoảng 3 giờ cùng ngày tại quán C, địa chỉ số A đường L, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương bị cáo Đặng Tiến A và bị cáo Ngô Văn B và bị cáo Nguyễn Văn P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA, màu nâu, biển số: 60AA - 455.90 có giá trị 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) của anh Nguyễn Thế V. Hành vi của các bị cáo Đặng Tiến A và bị cáo Ngô Văn B và bị cáo Nguyễn Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

[2.2] Đối với bị cáo Vũ Phương N đã biết rõ chiếc xe PIAGGIO VESPA, màu nâu, biển số: 60AA-455.90 do các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B và Nguyễn Văn P phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua và bán lại để thu lợi số tiền 2.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Vũ Phương N đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Do đó, Cáo trạng số: 356/CT-VKS-DA ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B và Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Vũ Phương N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B và Nguyễn Văn P thực hiện là nghiêm trọng; tội phạm do bị cáo Vũ Phương N thực hiện là ít nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Hiện nay tình hình trộm cắp xe máy trên địa bàn thành phố D rất phức tạp, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Tiến A vào khoảng 01 giờ và 03 giờ cùng ngày thực hiện liên tiếp các hành vi trộm cắp tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Ngô Văn B vào khoảng 01 giờ và 03 giờ cùng ngày thực hiện liên tiếp các hành vi trộm cắp tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng và đã bị kết án theo Bản án số 09/2011/HSSt ngày 21/01/2011 của TAND Quận 9, chung đóng án phí, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở và tái phạm theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn P và bị cáo Vũ Phương N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Ngô Văn B sau khi phạm tội đầu thú và bị cáo Vũ Phương N có bố (ông Vũ Đình T3) là người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Đặng Tiến A, bị cáo Ngô Văn B và bị cáo Vũ Phương N có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án; bị cáo Nguyễn Văn P có nhân thân tốt. Nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo tham gia với vai trò là người thực

hành.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B và Nguyễn Văn P phạm tội nghiêm trọng; bị cáo Vũ Phương N phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”; theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Thế V yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 89.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B và Nguyễn Văn P và Vũ Phương N đồng ý bồi thường số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với bị hại.

- Đối với tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô kiểu dáng Future, nhãn hiệu SEASPORTS, màu xanh, biển số 66K3 - 1898, đã thu hồi trả lại cho bị hại Lê Văn N2, bị hại Năm không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[10] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83 thu của bị cáo Đặng Tiến A, 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max và số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thu của bị cáo Vũ Phương N là tiền thu lợi bất chính thu và là phương tiện của các bị cáo liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với sim số 0914197789 thu giữ của bị cáo Vũ Phương N là phương tiện liên lạc giữa các bị cáo, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 USB có chữ SanDisk lưu giữ hành vi phạm tội của các bị cáo cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[11] Đối với đối tượng tên Nguyễn Hữu N3 là người mua lại xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA, màu nâu, biển số 60AA – 455.90, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tách vụ án đối với hành vi của N3 để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

[12] Đối với anh Lê Thành K không biết việc các bị cáo để chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA, màu nâu, biển số 60AA – 455.90 ở hành lang dãy trọ trước phòng trọ của anh K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý hình sự với anh K là đúng theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với anh Nguyễn Công T5 nhận tiền do Vũ Phương N chuyển cho Đặng Tiến A nhưng không biết số tiền đó là do Đặng Tiến A phạm tội mà có nên Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý hình sự với anh T5 là đúng theo quy định của pháp luật.

[14] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B, và Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Vũ Phương N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Đặng Tiến A 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2024.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn B 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2024.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2024.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Vũ Phương N 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B, Nguyễn Văn P và Vũ Phương N liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thế V số tiền 89.000.000 (tám mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max;

- Tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0914197789.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

-Tịch thu sung vào ngân sách số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

(Theo lệnh thanh toán tiền mặt ngày 01/11/2024).

- Lưu hồ sơ vụ án 01 USB có chữ SanDisk.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B, Nguyễn Văn P và bị cáo Vũ Phương N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Đặng Tiến A, Ngô Văn B, Nguyễn Văn P và Vũ Phương N phải liên đới phải nộp 4.450.000 (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên

